

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 05/2021/KDTM-PT

Ngày: 30/12/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Dương Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Lý Hòa -Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số: 09/2021/TLPT- KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/QĐPT-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NN và phát triển NT Việt Nam.

Trụ sở chính: Số 2, LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T- Chức vụ: Tổng giám đốc Hội đồng thành viên Agribank.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Liêu Văn S, chức vụ phó giám đốc - Chi nhánh Agribank NHNN huyện VN (Văn bản ủy quyền số 413/UQ-NHN0.VN-KHKD ngày 14/12/2021 của Giám đốc Agribank chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (ông S có mặt).

2. Bị đơn: Ông Chu Văn T2, sinh năm 1979 (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Xóm LB, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Vi Thị M, sinh năm 1977 (vợ ông T2), vắng mặt

Địa chỉ: Xóm LB, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Để phục vụ cho việc kinh doanh, ông Chu Văn T2 đã ký 03 hợp đồng tín dụng vay Agribank Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 201100489/HĐTD ngày 25/3/2011, số tiền vay là 300.000.000đ; Mục đích vay để xây dựng nhà xưởng, mua máy móc để sản xuất gạch ngói xi măng; thời hạn 36 tháng, lãi suất cho vay là 18,5/ năm, lãi suất điều chỉnh qua các kỳ 11%/ năm; hạn trả nợ cuối cùng 25/3/2014. Dư nợ gốc hiện còn lại là 131.850.000 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 20100589/HĐTD ngày 17/4/2012, số tiền vay là 50.000.000đ; Mục đích vay kinh doanh mua hàng nông sản; thời hạn 12 tháng; lãi suất cho vay là 17,5/ năm, lãi suất điều chỉnh qua các kỳ 9%/ năm; hạn trả nợ cuối cùng 17/4/2013. Dư nợ gốc hiện còn lại là 1.200.000 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 20120511/HĐTD ngày 24/12/2012, số tiền vay là 300.000.000đ; Mục đích vay kinh doanh lâm sản; thời hạn 12 tháng; lãi suất cho vay là 13%/ năm, lãi suất điều chỉnh qua các kỳ 9%/ năm; hạn trả nợ cuối cùng 24/12/2013. Dư nợ gốc còn lại là 300.000.000 đồng.

Để thực hiện hợp đồng vay ông T2 có thế chấp bằng tài sản của ông T2 gồm: Theo hợp đồng đảm bảo số 8080807070 ngày 29/10/2008, tài sản bảo đảm gồm đất ở, đất sản xuất NN diện tích 23.064m², địa chỉ: Xóm LB, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái nguyên. Tổng trị giá 570.000.000 đồng, Giấy chứng nhận QSDĐ số AC 452898 + AC 452899+ AC 452900 do UBND huyện VN cấp ngày 03/5/2006; Giấy chứng nhận QSDĐ số AK982479 do UBND huyện VN cấp ngày 29/9/2008; Sổ AG 283377 do UBND huyện VN cấp ngày 09/11/2006

Hợp đồng thế chấp tài sản số 201163024.1 ngày 18/3/2011, tài sản thế chấp gồm: Đất ở 200m², tài sản gắn liền với đất một nhà xây cấp 4, diện tích 150m²; Địa chỉ: Xóm LB, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, Tổng trị giá 400.000.000 đồng, giấy chứng nhận QSDĐ số BB 033423 do UBND huyện VN cấp ngày 29/9/2010.

Do ông T2 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên đã khởi kiện ra Tòa án, đề nghị Tòa án nhân dân huyện VN giải quyết:

1. Buộc ông Chu Văn T2 phải trả số tiền 806. 855.372 đồng (Tám trăm linh sáu triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó số tiền vay gốc của ba hợp đồng tín dụng là 433.050.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày xét xử 16/9/2021 là 373.050.000đồng.

Ông T2 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (có điều chỉnh lãi suất) kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông T2 không trả được khoản tiền nêu trên thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.

Bị đơn ông Chu Văn T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị M (vợ ông T2) trong bản tự khai do Tòa án lấy lời khai đã trình bày: Ông (T2), bà (M) đều thừa nhận có vay của ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện VN, số tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký, nhưng do làm ăn thua lỗ đến nay ông, bà đã không thanh toán trả cho Agribank Chi nhánh huyện VN như đã cam kết, ông bà T2 nhất trí trả số tiền gốc và lãi còn nợ.

Quá trình Tòa án tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử ông T2 và bà M đều vắng mặt. Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho Trưởng xóm có trách nhiệm giao thông báo cho ông T2, bà M Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình ông T2, bà M ở xóm LB, xã TX, huyện VN, để tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Chu Văn T2, bà M vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, cố ý trốn tránh không hợp tác. Tòa án lập biên bản không hòa giải được theo quy định Điều 207 Bộ luật tố tụng 2015, tiến hành thủ tục niêm yết công khai hợp lệ. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần 1, lần 2 cho ông T2, bà M tại địa phương và trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 03/2021/KDTM-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 336; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Agribank Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Buộc ông Chu Văn T2 có trách nhiệm thanh toán trả cho Agribank Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, trả số tiền gốc và số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo ba hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2021, tổng cả gốc và lãi là 806.853.572 đồng (*Tám trăm linh sáu triệu tám trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng*), trong đó số tiền gốc là 433.050.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*), số tiền lãi là

373.803.572 đồng (*Ba trăm bảy mươi ba triệu tám trăm linh ba nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng*) cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 201100489/HĐTD ngày 25/3/2011 với số tiền vay là 300.000.000đ; Nợ gốc còn lại là 131.850.000 đồng, nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2021 là 137.808.172 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi khoản vay này là 269.658.172 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 20100589/HĐTD ngày 17/4/2012, nợ gốc còn lại là 1.200.000 đồng, nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2021 là 3.645.400 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi khoản vay này là 4.845.400đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 20120511/HĐTD ngày 24/12/2012, nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2021 số tiền lãi là 232.350.000đồng. Tổng số tiền gốc và lãi khoản vay này là 532.350.000.

Ông Chu Văn T2 tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2021 cho đến khi thanh toán xong.

3. Trường hợp ông Chu Văn T2 không thanh toán được khoản tiền nói trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Chu Văn T2, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 8080807070 ngày 29/10/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản số 201163024.1 ngày 18/3/2011.

4. Về án phí: Ông Chu Văn T2 phải chịu 36.205.595 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm linh năm nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả Agribank Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên 17.117.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm mười bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai số 0007390 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Về chi phí tố tụng: Ông Chu Văn T2 phải chịu chi phí tố tụng thẩm định, định giá 6.000.000 đồng. Nay thu của ông Chu Văn T2 6.000.000 đồng trả cho Agribank Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quyết định kháng nghị số 01/QĐKN-KDTM và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm hủy T2 bộ bản án sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên để xét xử lại theo thủ tục chung do có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng dân sự và giải quyết nội dung vụ án. Cụ thể:

+ Thu thập chứng cứ chưa đầy đủ: Ông Chu Văn T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phía Ngân hàng NN và phát triển NT Việt Nam, chi nhánh huyện VN cùng ông Chu Văn T2 phối hợp tìm người và chuyển nhượng tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 808080507070 ngày 29/10/2008 để xử lý nợ gồm: Gia đình ông Mai Sinh O đăng ký mua: Quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm, diện tích 13.449 m², Thửa đất số 0, Tờ bản đồ số 0, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK982479 do UBND huyện VN cấp ngày 29/9/2008 với giá 90.000.000 đồng; Gia đình ông Chu Văn V, địa chỉ: Xóm LB, xã TX, huyện VN đăng ký mua: Quyền sử dụng đất nương rẫy trồng cây hàng năm, diện tích 3.746 m². Thửa đất số 0; Tờ bản đồ số: 0, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC452900 do UBND huyện VN cấp ngày 03/5/2006 với giá 35.000.000 đồng; Gia đình ông Chu Văn T3 đăng ký mua: Quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm, diện tích 2.152 m², Thửa đất số: 0, Tờ bản đồ số: 0, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC452898 do UBND huyện VN cấp ngày 03/5/2006 với giá 25.000.000 đồng.

Nhưng tòa án đã không thu thập các tài liệu thể hiện có hay không việc sử lý một phần tài sản thế chấp là 03 thửa đất nêu trên; nếu có thì thực hiện như thế nào, ông T2 đã chuyển nhượng được cho những người nêu trên hay chưa; số tiền cụ thể của từng thửa đất là bao nhiêu, thực hiện trả nợ Ngân hàng số tiền chuyển nhượng như thế nào? của Hợp đồng tín dụng nào? Tài sản thế chấp đã được xóa thế chấp chưa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3 thửa đất trên hiện tại ai đang quản lý; Ngân hàng đã giảm trừ khỏi tài sản thế chấp hay chưa; Ngân hàng có yêu cầu đề nghị gì đối với số tài sản trên không?

+ Đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng: Ông Mai Sinh O, ông Chu Văn V, ông Chu Văn T3 là những người đã thỏa thuận nhận chuyển nhượng tài sản theo HĐ thế chấp số 808080507070 ngày 29/10/2008 nhưng Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Vi phạm về việc không tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, Tòa án đã triệu tập họp lệ 02 lần nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự,

thuộc trường hợp vụ án không hòa giải được. Thẩm phán được phân công không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị số 01/QĐKN-KDTM ngày 14/11/2021.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự trong vụ án không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với khoản tiền lãi, do vậy Tòa án huyện VN đã giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Chu Văn T2 và bà Vi Thị M đều vắng mặt. Bà M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, còn ông T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét kháng nghị số 01/QĐKN-KDTM ngày 14/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:

[2.1] Về việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ:

Ngày 25/10/2018, Ngân hàng NN và phát triển NT Việt Nam, chi nhánh huyện VN khởi kiện ông Chu Văn T2, yêu cầu trả các khoản nợ đã quá hạn chưa trả, với tổng số tiền 684.677.581đồng (trong đó tiền gốc là 433.050.000đồng và số tiền lãi là 251.627.581đồng). Tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là 03 Hợp đồng tín dụng (gồm: HĐTD ngày 25/3/2011, dư nợ gốc còn 131.850.000đồng; HĐTD ngày 17/4/2012, dư nợ gốc còn 1.200.000đồng; HĐTD ngày 24/12/2012 dư nợ gốc còn 300.000.000đồng) và các tài sản thế chấp là đất ở, đất sản xuất NN theo Hợp đồng thế chấp số 808080507070 ngày 29/10/2008 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 201163024.1 ngày 18/3/2011.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm này phía Ngân hàng đều khẳng định: Đối với các tài sản thế chấp của ông Chu Văn T2 đã được thế chấp trong Hợp đồng thế chấp số 808080507070 ngày 29/10/2008 là quyền sử dụng đất tại các giấy chứng nhận QSDĐ số AC 452898, AC 452900 và AK982479 đã được phía ngân hàng kết hợp với ông Chu Văn T2 tìm người bán, số tiền bán được đã được phía ngân hàng thu hồi một phần để trừ vào số tiền nợ gốc của T2 trước khi Ngân hàng khởi kiện ông Chu Văn T2 ra tòa án nhân dân huyện VN. Việc xử lý các tài sản này đều được sự đồng ý của Ngân hàng, do vậy tài sản đảm bảo hiện còn của ông Chu Văn T2 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số

808080507070 ngày 29/10/2008 chỉ còn 02 tài sản tương ứng với 02 GCNQSD đất số AC 452899 do UBND huyện VN cấp ngày 03/5/2006 và AG 283377 do UBND huyện VN cấp ngày 09/11/2006.

Như vậy từ giai đoạn khởi kiện ban đầu và suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đều xác định tài sản để đảm bảo cho các khoản vay tín dụng của ông Chu Văn T2 là quyền sử dụng đất còn lại trong Hợp đồng thế chấp số 808080507070 ngày 29/10/2008 là các giấy CNQSD đất số AC 452899, AG 283377. Đối với các quyền sử dụng đất tại các giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện VN cấp số AK982479 ngày 29/9/2008, AC452900 ngày 03/5/2006 và số AC452898 ngày 03/5/2006 đều đã được phía Ngân hàng NN và phát triển NTViệt Nam, chi nhánh huyện VN cùng ông Chu Văn T2 phối hợp tìm người và chuyển nhượng tài sản trước khi làm đơn khởi kiện ra Tòa án. Đây là quyền tự định đoạt của phía Ngân hàng đối với tài sản thế chấp, không trái quy định của pháp luật và được các bên nhất trí cùng xử lý. Việc Tòa án nhân dân huyện VN không thu thập tài liệu liên quan đến các tài sản thế chấp đã chuyển nhượng này là phù hợp, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án, cũng như những người đã nhận chuyển nhượng QSD đất của ông T2.

[2.2] Về việc đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Do ông Chu Văn T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phía Ngân hàng NN và phát triển NTViệt Nam, chi nhánh huyện VN cùng ông Chu Văn T2 phối hợp tìm người và chuyển nhượng một tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 808080507070 ngày 29/10/2008 để xử lý nợ gồm: Gia đình ông Mai Sinh O đăng ký mua: Quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm, diện tích 13.449 m², Thửa đất số: 0, Tờ bản đồ số: 0, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK982479 do UBND huyện VN cấp ngày 29/9/2008 với giá 90.000.000 đồng; Gia đình ông Chu Văn V, địa chỉ: Xóm LB, xã TX, huyện VN đăng ký mua: Quyền sử dụng đất nương rẫy trồng cây hàng năm, diện tích 3.746 m². Thửa đất số: 0; Tờ bản đồ số: 0, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC452900 do UBND huyện VN cấp ngày 03/5/2006 với giá 35.000.000 đồng; Gia đình ông Chu Văn T3 đăng ký mua: Quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm, diện tích 2.152m², Thửa đất số: 0, Tờ bản đồ số: 0, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC452898 do UBND huyện VN cấp ngày 03/5/2006 với giá 25.000.000 đồng. Việc mua bán chuyển nhượng này được sự đồng ý của phía Ngân hàng, nên tài sản đảm bảo đã được ông T2 rút ra và thực hiện việc chuyển nhượng. Tại phiên tòa ngày hôm nay, phía Ngân hàng cũng thừa nhận nếu không được sự đồng ý của ngân hàng thì ông T2 cũng không thể rút các tài sản nêu trên để chuyển nhượng cho các ông O, V, Tiếp. Mặt khác, số tiền bán được cũng đã được thu để trừ bớt vào số nợ gốc của ông T2.

Như phân tích ở mục 2.1, thì đây là quyền của người nhận thế chấp tài sản và các bên liên quan đều không ai có ý kiến thắc mắc gì, bản án sơ thẩm tuyên ra cũng không có ai kháng cáo. Do vậy việc Tòa án không đưa hộ các ông Mai Sinh O, Chu Văn V, Chu Văn T3 vào tham gia tố tụng cũng là phù hợp, không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

[2.3] Về vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc không tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

Trong hồ sơ cũng thể hiện việc phía bị đơn không hợp tác với Tòa án, không thực hiện đến phiên tòa theo giấy triệu tập. Do vậy, việc mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thuộc trường hợp không tiến hành được, thẩm phán đáng nhẽ phải lập biên bản về việc không tiến hành được và lưu vào trong hồ sơ vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không lập biên bản là thiếu sót. Tuy nhiên, trước khi thụ lý Tòa án cấp phúc thẩm nhận được văn bản giải trình của thẩm phán trực tiếp giải quyết vụ án. Lời giải trình này phù hợp với lời khai của phía ngân hàng ngày hôm nay là đã được Tòa án VN nhiều lần triệu tập đến để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các lần đều không tiến hành được do vắng mặt bị đơn và người liên quan, tòa án có lập biên bản. Tòa án cấp sơ thẩm đã có lỗi cầu thả trong quá trình chuyển hồ sơ lên cấp phúc thẩm nên cần nghiêm túc rút kinh nghiệm sâu sắc trong quá trình giải quyết các vụ án khác.

[2.4] Từ những phân tích trên thấy rằng các nội dung đã nêu trong kháng nghị số 01/QĐKN-KDTM ngày 14/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, tuy nhiên chưa đến mức phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử xử lại như đề nghị của Viện kiểm sát. Mặt khác, các đương sự trong vụ án cũng không có ai kháng cáo; tại phiên tòa nguyên đơn hoàn T2 nhất trí với bản án sơ thẩm nên việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không cần thiết, mà vẫn đảm bảo được quyền lợi cho các đương sự.

[3] Ngân hàng NN và phát triển NTViệt Nam, chi nhánh huyện VN khởi kiện ông Chu Văn T2 bằng các Hợp đồng tín dụng:

+ Hợp đồng tín dụng số 201100489/HĐTD ngày 25/3/2011, số tiền vay là 300.000.000đ; Mục đích vay để xây dựng nhà xưởng, mua máy móc để sản xuất gạch ngói xi măng; thời hạn 36 tháng, lãi suất cho vay là 18,5/ năm, lãi suất điều chỉnh qua các kỳ 11%/ năm; hạn trả nợ cuối cùng 5/3/2011. Dư nợ gốc hiện còn lại là 131.850.000 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 20100589/HĐTD ngày 17/4/2012, số tiền vay là 50.000.000đ; Mục đích vay kinh doanh mua hàng nông sản; thời hạn 12 tháng; lãi suất cho vay là 17,5/ năm, lãi suất điều chỉnh qua các kỳ 9%/ năm; hạn trả nợ cuối cùng 17/4/2013. Dư nợ gốc hiện còn lại là 1.200.000 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 20120511/HĐTD ngày 24/12/2012, số tiền vay là 300.000.000đ; Mục đích vay kinh doanh lâm sản; thời hạn 12 tháng; lãi suất cho vay là 13%/ năm, lãi suất điều chỉnh qua các kỳ 9%/ năm; hạn trả nợ cuối cùng 24/12/2013. Dư nợ gốc còn lại là 300.000.000 đồng.

Tài sản để đảm bảo cho các hợp đồng vay, ông T2 đã có thế chấp bằng tài sản của ông theo hợp đồng đảm bảo: Số 8080807070 ngày 29/10/2008 và Số 201163024.1 ngày 18/3/2011.

Trong hợp đồng đảm bảo số 8080807070 ngày 29/10/2008, phía ngân hàng và ông T2 đã cùng kết hợp xử lý 03 tài sản thế chấp đã bán cho ông Mai Sinh O, ông Chu Văn V, ông Chu Văn T3. Tuy nhiên trong phần quyết định của bản án sơ thẩm vẫn quyết định cho phía ngân hàng được xử lý đầy đủ các tài sản thế chấp tại hợp đồng đảm bảo số 8080807070 ngày 29/10/2008 là chưa chính xác, cần sửa phần tuyên án này cho đúng.

Mặt khác, đối với phần lãi suất thì cần phải làm rõ có bao nhiêu là lãi suất trong hạn và bao nhiêu là lãi suất quá hạn. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên gộp cả hai loại lãi suất là không chính xác. Tại phiên tòa phía Ngân hàng cũng đã có bảng kê chi tiết nộp cho HĐXX và xác định mặt dù có lãi suất quá hạn và trong hạn nhưng phía ngân hàng không tách riêng ra mà tính chung 1 mức lãi suất theo hướng có lợi cho người vay, nên HĐXX cũng sửa phần này trong phần quyết định của bản án sơ thẩm. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng nghị số 01/QĐKN-KDTM ngày 14/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, sửa bản án sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN và phát triển NT Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Buộc ông Chu Văn T2 có trách nhiệm thanh toán trả cho Agribank Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên T2 bộ số tiền gốc còn nợ và số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/9/2021) là 806.853.572 đồng (*Tám trăm linh sáu triệu tám trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng*). Cụ thể:

+ Nợ gốc là 433.050.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*);

+ Nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 373.803.572 đồng (*Ba trăm bảy mươi ba triệu tám trăm linh ba nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng*), trong đó: Lãi trong hạn: 49.492.719đ (*Bốn mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi hai ngàn, bảy trăm mười chín đồng*), lãi quá hạn: 324.310.453đ (*Ba trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm mười nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng*).

Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/9/2021) ông Chu Văn T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Tiếp tục duy trì các Hợp đồng thế chấp tài sản. Trường hợp ông Chu Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng NN và phát triển NTViệt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo trách nhiệm thế chấp của người thế chấp tài sản, theo các hợp đồng thế chấp:

+ Số 8080807070 ngày 29/10/2008, gồm các tài sản bảo đảm còn lại là đất ở, đất sản xuất NN diện tích, địa chỉ: Xóm LB, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AC 452899 do UBND huyện VN cấp ngày 03/5/2006; Giấy chứng nhận QSDĐ Số AG 283377 do UBND huyện VN cấp ngày 09/11/2006

+ Số 201163024.1 ngày 18/3/2011, tài sản thế chấp gồm: Đất ở 200m², tài sản gắn liền với đất một nhà xây cấp 4, diện tích 150m²; Địa chỉ: Xóm LB, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, giấy chứng nhận QSDĐ số BB 033423 do UBND huyện VN cấp ngày 29/9/2010.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Chu Văn T2 phải chịu chi phí tố tụng thẩm định, định giá là 6.000.000 đồng. Do Ngân hàng (Agribank) - Chi nhánh huyện VN đã nộp tạm ứng số tiền này và đã chi phí hết, nên ông Chu Văn T2 phải có trách nhiệm trả cho Agribank Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên số tiền này.

Ngân hàng NN và phát triển NTViệt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên được nhận số tiền 6.000.000 đồng do ông T2 trả.

5. Về án phí: Ông Chu Văn T2 phải chịu 36.205.595 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm linh năm nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả Agribank Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên 17.117.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm mười bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai số 0007390 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện VN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện VN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy